

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KẾ TOÁN – KẾ M TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THU GIÁ
TRỊ GIA TĂNG VÀ KẾ TOÁN THU THU NHẬP
DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH
TRANG TRÍ NỘI THẤT TIỀN PHÁT**



VÕ THỊ LÊ

Huế, tháng 4 năm 2018

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KẾ TOÁN – KẾ M TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ
TRỊ GIA TĂNG VÀ KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP
DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH
TRANG TRÍ NỘI THẤT TIỀN PHÁT**

Sinh viên thực hiện

Võ Thị Lệ

Lớp: K48B Kế Toán

Khóa học: 2014 – 2018

Giáo viên hướng dẫn

Th.S Tôn Thất Lê Hoàng Thiện

Huế, tháng 4 năm 2018

Lời Cảm Ơn

Đã có thể hoàn thành bài Khóa luận tốt nghiệp cũng như hoàn thành chương trình 4 năm đại học, tôi đã nhận được rất nhiều sự quan tâm giúp đỡ từ quý thầy, quý cô của Trường Đại học Kinh tế Huế nói chung và quý thầy cô của Khoa Kế toán – Kiểm toán nói riêng.

Với lòng biết ơn sâu sắc nhất, tôi xin gửi lời chân thành cảm ơn tới các thầy cô đã tận tâm hướng dẫn tôi qua những môn học tập khi ngồi dưới ghế nhà trường, trao đổi và lĩnh vực kế toán- kiểm toán, giúp tôi mở mang đy đđ kiến thức để làm bài chuyên đề, mở rộng tầm hiểu biết, hiểu sâu hơn về lĩnh vực chuyên môn để hành trang kỹ lưỡng cho tôi sau này bước vào đời.

Đặc biệt, tôi xin gửi lời cảm ơn đến Th.S Tôn Thất Lê Hoàng Thiến đã tận tâm, chu đáo hướng dẫn giúp tôi thực hiện khóa luận một cách hoàn thiện nhất. Nếu không có sự hướng dẫn, giúp đỡ của thầy thì tôi nghĩ khóa luận này khó có thể mà hoàn thiện được. Một lần nữa xin cảm ơn thầy!

Qua đây, tôi cũng cảm ơn Ban Giám Đốc Công ty TNHH Trang Trí Nội Thất Tiên Phát đã tạo điều kiện thuận lợi để tôi thực tập tại Công ty. Cảm ơn các anh, chị làm việc trong phòng Kế toán đã giúp đỡ tôi trong quá trình thực tập, thu thập số liệu.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng để thực hiện Khóa luận một cách hoàn chỉnh nhất, song do mới lần đầu thực tập, tìm hiểu thu thập số liệu của Công ty cũng như hạn chế về mặt kiến thức và kinh nghiệm nên không thể tránh khỏi nhiều thiếu sót nhất định. Tôi rất mong nhận được sự đóng góp từ quý thầy cô để bài khóa luận được hoàn chỉnh hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Huế, tháng 4 năm 2018

Sinh viên

Võ Thị L

M C L C

L I C M N.....	i
M C L C	ii
DANH M C CH VI T T T.....	v
DANH M C B NG	vi
DANH M C BI U Đ 	vi
DANH M C BI U M U.....	vii
DANH M C S Đ 	viii
PH N I Đ T V N Đ 	1
1.1 Lý do ch n đ tài	1
1.2 M c tiêu nghiên c u.....	2
1.3 Đ i t ng nghiên c u.....	2
1.4 Ph m vi nghiên c u	2
1.5 Ph ng pháp nghiên c u.....	3
PH N II N I DUNG VÀ K T QU NGHIÊN C U.....	4
CH NG I: C S LÝ LU N V THU , K TOÁN THU GIÁ TR GIA TĂNG VÀ THU THU NH P DOANH NGHIỆP.....	4
1.1 Nh ng v n đ c b n v thu 	4
1.1.1 Khái ni m.....	4
1.1.2 Đ c đi m	5
1.1.3 Vai trò c a thu 	5
1.1.4 Phân lo i thu 	8
1.2 Thu giá tr gia tăng.....	10
1.2.1 Khái ni m.....	10
1.2.2 Đ c đi m	10
1.2.3 Đ i t ng ch u thu , không ch u thu , đ i t ng n p thu GTGT	10
1.2.4 Căn c và ph ng pháp tính thu 	11
1.2.4.1 Căn c tính thu 	11

1.2.4.2	Phương pháp tính thuế	13
1.2.5	Khấu trừ thuế GTGT	14
1.2.5.1	Nguyên tắc khấu trừ thuế GTGT đưa vào	14
1.2.5.2	Điều kiện khấu trừ thuế GTGT đưa vào	15
1.2.6	Kê khai, nộp thuế, hoàn thuế GTGT	15
1.2.7	Nội dung kế toán thuế GTGT	17
1.2.7.1	Kế toán thuế GTGT đưa vào	17
1.2.7.2	Kế toán thuế GTGT đưa ra	18
1.3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	19
1.3.1	Đối tượng nộp thuế, đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế GTGT	20
1.3.2	Căn cứ và phương pháp tính thuế TNDN	21
1.3.3	Kê khai, quy tắc toán, nộp thuế TNDN	24
1.3.4	Kế toán thuế TNDN	25
1.4	Tính miễn giảm thuế tài và tăng hợp các tài có liên quan	26
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ TẠI CÔNG TY TNHH TRẠNG TRÍ NỘI THẤT TIỀN PHÁT		
28		
2.1	Giới thiệu về Công ty TNHH Trang Trí Nội Thất Tiên Phát	28
2.1.1	Lịch sử hình thành và phát triển của công ty	28
2.1.2	Chức năng và nhiệm vụ của công ty	29
2.1.3	Thành lập máy quản lý của công ty	30
2.1.4	Thành lập máy kế toán	31
2.1.4.1	Số đầu máy kế toán	31
2.1.4.2	Thành lập văn phòng kế toán	32
2.1.5	Tình hình nguồn lực của công ty trong giai đoạn 2015- 2017	35
2.1.5.1	Tình hình lao động của công ty trong 3 năm 2015-2017	35
2.1.5.2	Tình hình tài sản nguồn vốn của công ty	37
2.1.5.3	Tình hình kết quả kinh doanh của công ty	40
2.2	Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH TTNT Tiên phát	43
2.2.1	Chứng từ sổ đăng	43
2.2.2	Tài khoản sổ đăng	43

Khóa luận tốt nghiệp

2.2.3 Sổ kế toán sổ đỏ	44
2.2.4 Hóa đơn GTGT	45
2.2.5 Hồ sơ toán thuế GTGT	46
2.2.6 Khai, khai, khai, khai, khai thuế GTGT	62
2.3 Thủ tục kế toán thuế TNDN	67
2.3.1 Chứng từ sổ đỏ	67
2.3.2 Tài khoản sổ đỏ	67
2.3.3 Sổ kế toán sổ đỏ	68
2.3.4 Thuế TNDN tính và thuế TNDN phải nộp	68
2.3.4.1 Thuế TNDN tính	68
2.3.4.2 Thuế TNDN Phải nộp	69
2.3.6 Khai và khai thuế	72
2.4 Quản lý thuế tại doanh nghiệp	76
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ TẠI CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT TIỀN PHÁT	83
3.1 Nhận xét và đánh giá công tác kế toán thuế tại công ty TNHH Trang Trí Nội Thất Tiên Phát	83
3.1.1 Ưu điểm	84
3.1.2 Nhược điểm	84
3.2 Một số phương pháp nhằm hoàn thiện công tác thuế tại Công ty TNHH TTNT Tiên Phát	86
PHẦN III: KẾT LUẬN	88
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	90
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CSKD	Công sở kinh doanh
DN	Doanh nghiệp
GTGT	Giá trị gia tăng
HHDV	Hàng hóa, dịch vụ
HTKK	Hệ thống kê khai
NSNN	Ngân sách nhà nước
PS	Phát sinh
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TK	Tài khoản
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	Tài sản cố định
TTNT	Trang Trí Nội Thất

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1 Tình hình lao động tại công ty TNHH TTNT Tiên Phát từ năm 2015-2017	35
Bảng 2.2 Tình hình tài sản, nguồn vốn của công ty TNHH TTNT Tiên Phát qua 3 năm 2015-2017	37
Bảng 2.3 Tình hình kết quả kinh doanh của công ty TNHH TTNT Tiên Phát qua 3 năm 2015-2017	41

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1 Tình hình tài sản của công ty qua 3 năm 2015-2017	38
Biểu đồ 2.2 Tình hình nguồn vốn của công ty qua 3 năm 2015-2017	39

DANH MỤC BẢNG

Bảng số 2.1: Hóa đơn GTGT số 2389.....	47
Bảng số 2.2 Hóa đơn GTGT số 895.....	48
Bảng số 2.3: Hóa đơn GTGT số 6369.....	50
Bảng số 2.4 Hóa đơn GTGT số 776144.....	51
Bảng số 2.5 Trích bảng kê HHDV mua vào.....	52
Bảng số 2.6 Trích sổ chi tiết TK 1331	53
Bảng số 2.7 Trích sổ cái TK 1331.....	54
Bảng số 2.8 Hóa đơn GTGT đưa ra số 701	56
Bảng số 2.9 Hóa đơn GTGT số 716.....	57
Bảng số 2.10 Hóa đơn GTGT số 736.....	58
Bảng 2.11 Trích bảng kê HHDV bán ra.....	59
Bảng số 2.12 Trích chi tiết TK 3331.....	60
Bảng số 2.13 Trích sổ cái TK 3331.....	61
Bảng số 2.14 Tờ khai thuế GTGT Quý 4/2017.....	63
Bảng số 2.15 Sổ chi tiết TK 8211	71
Bảng số 2.16 Sổ chi tiết TK 3334	72
Bảng số 2.17 Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2017.....	73
Bảng số 2.18 Phế liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	75
Bảng số 2.19 Tờ khai thuế GTGT chính thức cả quý 4 năm 2016	77
Bảng 2.20 Tờ khai thuế bổ sung cho tờ khai quý 4 năm 2016.....	79
Bảng 2.21 Bản ghi trình khai bổ sung, điều chỉnh.....	81

DANH MỤC SỔ ĐỀ

Sổ đề 1.1: Quy trình hạch toán thu GTGT đầu vào.....	18
Sổ đề 1.2: Quy trình hạch toán thu GTGT đầu ra	19
Sổ đề 1.3: Quy trình hạch toán kế toán thu TNDN hiện hành	26
Sổ đề 2.1: Sổ đề tài chính có bộ máy quản lý của công ty TNHH TTNT Tiên Phát	30
Sổ đề 2.2: Sổ đề tài chính có bộ máy kế toán tài công ty TNHH TTNT Tiên Phát	31
Sổ đề 2.3: Sổ đề ghi sổ kế toán tổng hợp	34
Sổ đề 2.4: Sổ đề ghi sổ kế toán về thu GTGT.....	44

PHẦN I ĐỀ TÀI VÀ NỘI DUNG

1.1 Lý do chọn đề tài

Trong điều kiện hiện nay, khi nền kinh tế nước ta đang dần hội nhập với nền kinh tế thế giới, Nhà nước ta cũng có những thay đổi về chính sách kinh tế vĩ mô, các chính sách quản lý nhóm tác động đến cung, cầu, giá cả, việc làm,...nhằm mục đích tạo môi trường kinh doanh ổn định và phát triển. Trong đó, chính sách thuế được coi là một công cụ quản lý để điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Kế toán với chức năng giúp chủ doanh nghiệp trong công tác tổ chức kế toán, thống kê nhằm cung cấp những thông tin về hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp một cách đầy đủ kịp thời. Kế toán thuế là công cụ quản lý và điều hành nền kinh tế, nó có vai trò quan trọng đối với Nhà nước nói chung và doanh nghiệp nói riêng. Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng, trong đó công tác tổ chức thu, kế toán thuế GTGT và kế toán thuế TNDN là một phần hành kế toán quan trọng trong hệ thống kế toán của mọi doanh nghiệp. Thực tiễn tất kế toán thuế sẽ giúp cho doanh nghiệp xác định đúng số thuế GTGT và thuế TNDN phải nộp vào ngân sách nhà nước để doanh nghiệp có kế hoạch chi trả đúng nộp thuế, thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước, tránh được tình trạng chậm trễ trong công việc tính toán thuế dẫn đến tình trạng chậm nộp thuế ảnh hưởng mối quan hệ giữa doanh nghiệp với cơ quan Nhà nước.

Công ty TNHH Trang Trí Nội Thất Tiên Phát là một công ty thương mại, hoạt động mua bán diễn ra nhiều, trong những năm vừa qua, hoạt động kinh doanh của công ty TNHH Trang Trí Nội Thất Tiên Phát luôn đạt hiệu quả cao. Đó là nhờ sự nỗ lực không ngừng của ban lãnh đạo cùng các nhân viên trong công ty. Bên cạnh đó là do công tác kế toán của công ty đều tuân thủ theo đúng những quy định của Bộ tài chính, đặc biệt là trong kế toán về thuế nói chung và thuế GTGT, thuế TNDN nói riêng, khi có bất kỳ một sự sai sót nào về luật thuế GTGT hay luật thuế TNDN, công ty đều thực hiện đúng theo các Thông tư hướng dẫn và làm theo những hướng dẫn của nhà nước về quản lý thuế. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm đạt được, công tác kế toán thuế của công ty vẫn còn một số hạn chế như cách sắp xếp bộ máy kế toán, việc tổ

chức, số dòng chức năng, số sách và việc quản lý số dòng chi phí hợp lý, cần phải khắc phục để công tác kế toán của công ty ngày càng hoàn thiện, đồng thời giúp cho việc thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân sách nhà nước của công ty được tốt hơn.

Nhìn thấy được tầm quan trọng đó, sau quá trình thực tập tại công ty TNHH Trang Trí Nội Thất Tiên Phát, để tìm hiểu thực tiễn công tác kế toán tại công ty, đi sâu nghiên cứu công tác kế toán thuế mà chủ yếu là thuế GTGT và thuế TNDN, kết hợp với những kiến thức đã học từ trường em đã chọn đề tài **“Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT và kế toán thuế TNDN tại Công ty TNHH Trang Trí Nội Thất Tiên Phát”** cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

1.2 Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu tổng quát: Tổng hợp các vấn đề lý luận liên quan đến thuế đó khảo sát tình hình thực tế áp dụng các chuẩn mực kế toán thuế GTGT và thuế TNDN để đưa ra phương hướng hoàn thiện công tác thuế tại doanh nghiệp.

Mục tiêu cụ thể:

- Tổng hợp các vấn đề lý luận liên quan đến thuế, kế toán thuế GTGT và kế toán thuế TNDN
- Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán thuế GTGT, kế toán thuế TNDN tại công ty TNHH Trang Trí Nội Thất Tiên Phát
- Thông qua tìm hiểu về thực trạng để nhận xét, đánh giá và đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác thuế tại công ty TNHH Trang Trí Nội Thất Tiên Phát

1.3 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng tập trung tìm hiểu công tác thuế GTGT và thuế TNDN tại công ty TNHH Trang Trí Nội Thất Tiên Phát bao gồm các sổ sách kế toán, tài khoản số dòng và phương pháp kế toán, các tài khoản thuế để áp dụng.

1.4 Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi về không gian: Đề tài được thực hiện tại công ty TNHH Trang Trí Nội Thất Tiên Phát.

Phạm vi về thời gian: Số liệu về nhân sự, tài chính của Công ty TNHH Trang Trí Nội Thất Tiên Phát trong 3 năm 2015-2017

Phạm vi nội dung nghiên cứu: Công tác kế toán thuế GTGT và kế toán thuế TNDN.

1.5 Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập số liệu:

- Phương pháp nghiên cứu, tham khảo tài liệu: tham khảo tài liệu ở thư viện trường, các tài liệu có liên quan đến tài liệu giáo trình kế toán thuế GTGT và thuế TNDN, các thông tin, thông tin trên internet, tạp chí và các tài liệu kế toán khác... để có thể hiển thị thực tế các số lý luận cho đề tài nghiên cứu.

- Phương pháp phỏng vấn trực tiếp: Phương pháp này để có số liệu để thu thập thông tin về tình hình doanh nghiệp, về công tác kế toán thuế GTGT, thuế TNDN cũng như làm rõ những thực tế trong quá trình thu thập thông tin qua việc trao đổi trực tiếp với kế toán trưởng và kế toán phụ hành khác. Phương pháp này để có thể hiển thị thực tế xuyên suốt quá trình thực tập tại đơn vị.

Phương pháp xử lý số liệu:

- Phương pháp so sánh, đối chiếu, tổng hợp để xử lý và phân tích số liệu: So sánh, phân tích tình hình lao động, tài sản - nguồn vốn, kết quả kinh doanh. Tiến hành xử lý, tổng hợp số liệu đối chiếu lý thuyết với thực tế để đưa ra nhận xét về công tác kế toán thuế GTGT, thuế TNDN tại công ty.

- Phương pháp kế toán: Thu thập các chứng từ kế toán để chứng minh cho các nghiệp vụ kinh tế đã xảy ra tại doanh nghiệp; ghi nhận, hạch toán theo các tài khoản đối ứng vào sổ kế toán có liên quan từ đó đối chiếu khớp đúng giữa sổ kế toán và chứng từ cũng như phân tích, xử lý số liệu số đang trong phần thực trạng kế toán thuế GTGT và thực trạng kế toán thuế TNDN.

PHẦN II NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THUẾ, KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1.1 Thuế và những đặc điểm của thuế

1.1.1 Khái niệm

Thuế ra đời là mang tính tất yếu gắn liền với sự tồn tại của nhà nước. Như chúng ta đã biết, mọi nhà nước muốn tồn tại thì phải có một nguồn vật chất nhất định để duy trì sự tồn tại và thực hiện chức năng của nhà nước. Nguồn vật chất đó hình thành từ nhiều hoạt động khác nhau nhưng hoạt động chủ yếu vẫn là hoạt động thu thuế. Việc thu thuế tạo ra một nguồn thu tài chính lớn cho nhà nước, qua đó nhà nước có thể tồn tại và thực hiện chức năng của mình.

Cho đến nay trong các sách báo kinh tế trên thế giới vẫn chưa có thống nhất tuyệt đối về khái niệm thuế. Dựa trên các góc độ khác nhau theo các quan điểm của các nhà kinh tế khác nhau thì có các định nghĩa về thuế khác nhau.

Theo nhà kinh tế học Gaston Jeze trong cuốn “Tài chính công” đưa ra một định nghĩa tổng quát về thuế: “Thuế là một khoản trích nộp bằng tiền, có tính chất xác định, không hoàn trả trực tiếp do các công dân đóng góp cho nhà nước thông qua con đường quy định nhằm bù đắp những chi tiêu của nhà nước”

Trên góc độ phân phối thu nhập: “Thuế là hình thức phân phối và phân phối lại tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân nhằm hình thành các quỹ tiền tệ tập trung của nhà nước để đáp ứng các nhu cầu chi tiêu cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước”.

Trên góc độ kinh tế học: “Thuế là một biện pháp để biết, theo đó nhà nước sẽ định quy định lợi ích của mình để chuyển một phần nguồn lợi sang khu vực công nhằm thực hiện các chức năng kinh tế – xã hội của nhà nước”.

Vậy thì những quan điểm trên có thể định nghĩa về thuế như sau:

Thuế là khoản đóng góp bắt buộc mà mọi tổ chức, cá nhân phải có nghĩa vụ đóng góp cho nhà nước theo luật định để đáp ứng nhu cầu chi tiêu cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước.

1.1.2 Đặc điểm

- Tính pháp lý:

Thuế là một công cụ tài chính có tính pháp lý cao, được quy định bởi quy định của chính quyền nhà nước và quy định của pháp luật thuế thông qua các quy định thuế và pháp luật, hình thức và các thủ tục, các quy trình pháp lý liên quan đến nghĩa vụ nộp thuế.

- Tính bắt buộc:

Tính bắt buộc là thuế tính cả bên nộp và có của thuế, nó phân biệt thuế với các hình thức huy động tài chính khác của ngân sách nhà nước. Đặc điểm này vạch rõ nội dung kinh tế của thuế là mối quan hệ tiền tệ được hình thành một cách khách quan và có ý nghĩa xã hội được biểu thị, việc đóng góp mang tính chất bắt buộc của Nhà nước.

Theo nhà kinh tế học Joseph E. Stiglitz: “Thuế khác với đa số những khoản chuyển giao tiền tệ thông thường này sang người kia: Trong khi tất cả những chuyển giao đó là tự nguyện thì thuế là bắt buộc”

- Tính không hoàn trả trực tiếp:

Khác với khoản vay, phí và lệ phí, thuế không hoàn trả trực tiếp cho người nộp thuế, tuy nhiên, một phần thuế được hoàn trả gián tiếp cho người nộp thuế thông qua các khoản phúc lợi xã hội. Số không hoàn trả trực tiếp được thực hiện ở các trường và sau khi thu thuế.

Trường khi thu thuế, Nhà nước không hề cung cấp dịch vụ nào cho người nộp thuế. Sau khi thu thuế, Nhà nước cũng không có sự bồi hoàn trả trực tiếp nào cho người nộp thuế bởi vì kết quả của việc sử dụng các thu nhập từ thuế chủ yếu là các sản phẩm công cộng.

1.1.3 Vai trò của thuế

Thuế không chỉ đơn thuần là một nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước mà thuế còn gắn liền với các vấn đề về sự tăng trưởng kinh tế, về sự công bằng trong phân phối và sự ổn định xã hội. Trong phạm vi nghiên cứu sẽ xem xét thuế với các vai trò của nó là: tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước, kích thích tăng trưởng kinh tế

và điều chỉnh thu nhập.

- **Tổ chức thu cho ngân sách nhà nước**

Là vai trò đầu tiên của thuế. Mọi mặt loại thuế mà nhà nước ban hành đều nhằm vào mục đích là tổ chức thu cho ngân sách nhà nước. Trong nền kinh tế thị trường vai trò này của thuế càng nổi bật bởi thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước.

Vai trò tổ chức thu của thuế xuất phát từ yêu cầu và quy định của nhà nước đối với xã hội. Nhà nước với quy định chính trị có thể ban hành các loại thuế với các mức thuế suất tùy ý. Tuy nhiên, khi xét về mục đích lâu dài khi đưa ra các loại thuế, thuế suất, đối tượng chịu thuế chính phủ không chỉ đơn thuần thỏa mãn nhu cầu tăng thu của ngân sách nhà nước, mà phải thỏa mãn đúng yêu cầu tăng trưởng kinh tế và điều chỉnh thu nhập. Việc đáp ứng cả ba yêu cầu đó đòi hỏi chính phủ phải tính toán, cân nhắc kỹ lưỡng khi ban hành các loại thuế, bởi vì nguồn thu của thuế bất nguồn từ thu nhập quốc dân, khả năng đóng góp của thuế phải được chuyển vào phát triển của sản xuất, hiệu quả của sản xuất.

Như vậy, tổ chức thu cho ngân sách nhà nước là vai trò cơ bản của thuế. Tuy nhiên để phát huy tốt vai trò này cần phải đặt thuế trong mối quan hệ với tăng trưởng kinh tế và thúc đẩy công bằng xã hội, bởi vì chính sự tăng trưởng kinh tế và thúc đẩy công bằng xã hội là cơ sở bền vững và phát triển của thuế.

- **Vai trò kích thích tăng trưởng kinh tế**

Là vai trò không kém phần quan trọng bởi vì chính sách thuế ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập, giá cả, quan hệ cung cầu, chi tiêu đầu tư và đến sự phát triển hoặc suy thoái của mặt nền kinh tế.

Trong nền kinh tế thị trường nhà nước sẽ dùng công cụ thuế để điều tiết sản xuất và thị trường nhằm xác lập mặt cân bằng kinh tế hợp lý; có những ngành kinh tế tác động đến sự tăng trưởng kinh tế (kinh tế công nghệ) nhưng lại không được các nhà đầu tư thuế các thành phần kinh tế quan tâm vì lợi nhuận không cao, cần có sự đầu tư của nhà nước. Điều này đòi hỏi phải huy động thuế mặt tiền để tăng cao đối với mặt sản phẩm ngành có điều kiện thuận lợi trong những thời kỳ nhất định và mặt tiền thuế tiền để tiếp cận

với những ngành kém thu nhập là những mặt có sự hỗ trợ cho nền kinh tế. Đồng thời, việc phân bổ thu nhập đối với từng loại sản phẩm, ngành hàng thì nó đã góp phần điều chỉnh giá cả, quan hệ cung cầu và hướng dẫn các nhà đầu tư bỏ vốn vào đầu tư những sản phẩm, ngành hàng theo đúng định hướng của nhà nước và việc đầu tư đối với một số mặt hàng, ngành nghề cũng góp phần kích thích tăng trưởng kinh tế.

Nhìn chung trong quá trình cải cách hệ thống thuế của nước ta nhà nước đã chú trọng xác lập đúng đắn mối quan hệ giữa các loại thuế, xác định hợp lý các đối tượng chịu thuế, thuế suất và chế độ miễn giảm cho nên hệ thống thuế hiện hành đã phát huy tác dụng trong việc khuyến khích đầu tư, phát triển những ngành sản xuất kinh doanh có lợi cho nền kinh tế, hướng dẫn sản xuất và tiêu dùng, thực hiện chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài, bảo vệ và phát triển sản xuất hàng hóa trong nước và tạo điều kiện cho hàng hóa trong nước xâm nhập, cạnh tranh được với thị trường thế giới.

- Vai trò điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội

Trong nền kinh tế thị trường, nếu không có sự can thiệp của nhà nước, để thị trường tự điều chỉnh thì sẽ phân phối của cải và thu nhập sẽ mang tính tập trung rất cao tạo ra hai cực đối lập nhau: một thiểu số giàu có lên nhanh chóng, còn cuộc sống của đại bộ phận dân chúng sẽ cực thu nhập thấp. Thực tế, sự phát triển của một đất nước là kết quả nỗ lực của cả một cộng đồng, sự không công bằng nếu không chia sẻ thành quả phát triển kinh tế cho mọi người. Bởi vậy cần có sự can thiệp của nhà nước vào quá trình phân phối thu nhập, sự can thiệp này được biết hiểu quả bằng cách sử dụng công cụ thuế.

Với các sắc thuế như: Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập... theo hướng thuế đánh cao vào những hàng hóa dịch vụ cao cấp, người có thu nhập cao nhằm điều tiết bớt thu nhập của các doanh nghiệp, cá nhân có thu nhập cao. Đồng thời thuế đánh thấp vào những hàng hóa dịch vụ cần thiết cho đại bộ phận dân chúng. (Ví dụ: thuế tiêu thụ đặc biệt thuế suất 75% đối với rượu uýt 40 độ trở lên, thuế suất 15% đối với rượu uýt thuốc. Bia chai, bia hộp, bia tễ thì thuế suất 75% trong khi bia hời thuế suất là 30% ...). Như vậy, việc quy định về đối tượng chịu thuế, thuế suất từng ngành hàng như trên bên ngoài như là một sự công bằng nhưng bên trong nhằm điều chỉnh những quan hệ xã hội như thế.

Mặt khác, những nhà doanh nghiệp cũng không thể suốt đời phức tạp cho mục đích tăng trưởng kinh tế nếu thu nhập của họ bị chia xẻ một cách vô lý. Đây là mâu thuẫn cơ bản trong nền kinh tế thị trường mà chính sách thuế của chính phủ phải giải quyết. Thực ra, vốn có một mối quan hệ phức tạp đối tượng giữa nhà kinh doanh và người lao động. Tức là, có một giới hạn phân phối lợi mà ở đó để nhậy cảm với tăng trưởng bền vững, các nhà kinh doanh sẵn sàng đóng góp một phần thu nhập cho xã hội mà không làm suy giảm sự tăng trưởng của họ. Chính sách thuế phải xác định được khung giới hạn đó thông qua phần đóng của doanh nghiệp đối với thuế suất tăng lợi nhuận và có sự điều chỉnh cho phù hợp.

1.1.4 Phân loại thuế

- Phân loại theo phương thức đánh thuế

Đây là cách phân loại truyền thống đã hình thành từ rất lâu, các sắc thuế thường được chia thành thuế trực thu và thuế gián thu. Sơ phân loại này phức tạp vào đối tượng chịu thuế, mối quan hệ giữa người nộp thuế và Nhà nước.

- *Thuế trực thu* là loại thuế đánh trực tiếp vào thu nhập của tổ chức kinh tế hoặc cá nhân (đánh trực tiếp vào người nộp thuế) như thuế thu nhập, thuế đánh vào của cải, thuế đánh vào đối tượng tiêu dùng trực tiếp. Đối với thuế trực thu thì người nộp thuế cũng chính là người chịu thuế. Nhà nước áp dụng loại thuế này nhằm điều tiết, điều chỉnh trực tiếp vào thu nhập của người có thu nhập. Tức người thực hiện hành vi nộp thuế phải trích một phần từ chính thu nhập của mình để nộp cho Nhà nước mà không chuyển nghĩa vụ sang cho người khác.

- *Thuế gián thu* là loại thuế đánh vào việc tiêu thụ các hàng hóa, dịch vụ và được xác định là một khoản cầu thành trong giá cả hàng hóa, dịch vụ. Qua đó, mối quan hệ giữa người chịu thuế và Nhà nước được thể hiện một cách gián tiếp. Trong mối quan hệ này, khoản thuế gián thu sẽ được chuyển cho người tiêu dùng gánh chịu và khoản thuế gián thu này được doanh nghiệp thu hộ cho Nhà nước, người nộp thuế và người chịu thuế khác nhau, hay nói cách khác doanh nghiệp nộp thuế hộ, người tiêu dùng là người chịu thuế, các loại thuế gián thu hiện hành như: thuế Giá trị gia tăng, thuế Tiêu thụ đặc biệt, thuế Xuất nhập khẩu...

- Phân loại theo đối tượng đánh thuế

Với cách phân loại này, hệ thống thuế được chia thành 3 loại: thuế đánh vào hàng hóa, dịch vụ (thuế tiêu dùng); thuế đánh vào thu nhập và thuế đánh vào tài sản.

- **Thuế đánh vào hàng hóa, dịch vụ:** là các loại thuế có cơ sở đánh thuế là các loại hàng hóa, dịch vụ. Các loại thuế đánh vào hàng hóa, dịch vụ được tính vào giá bán nên với thực chất là loại thuế do người tiêu dùng gánh chịu, loại thuế này cho phép miễn người tiêu dùng do lựa chọn hàng hóa, quyết định tiêu dùng để chịu thuế cao hay thấp tùy ý thích và túi tiền của mình. Các loại thuế đánh vào hàng hóa, dịch vụ được thể hiện dưới các sắc thuế như: thuế Giá trị gia tăng, thuế Tiêu thụ được biết...

- **Thuế đánh vào thu nhập:** là các loại thuế có cơ sở đánh thuế là phần thu nhập kiếm được. Thu nhập được hình thành từ nhiều nguồn như: tiền lương, tiền công, hoạt động sản xuất kinh doanh... do thu nhập được thể hiện ở nhiều dạng nên thuế thu nhập cũng có nhiều loại: thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp.

- **Thuế đánh vào tài sản:** là các loại thuế có cơ sở đánh thuế là giá trị tài sản của người chịu thuế như: nhà cửa, đất đai, chứng khoán.

➔ Ý nghĩa của việc phân loại thuế

- Trong hoạt động lập pháp

- Phân loại thành thuế trực thu và thuế gián thu sẽ giúp các nhà lập pháp tìm ra những phương thức điều tiết riêng, xây dựng được các sắc thuế phù hợp với mục đích điều tiết, phản ánh được phạm vi tác động của sắc thuế đó.

- Để đảm bảo tính công bằng điều tiết thu nhập thì cần gia tăng các loại thuế trực thu nhưng để đảm bảo nguồn thu ổn định cho ngân sách nhà nước thì lại cần gia tăng các loại thuế gián thu. Vấn đề là phải làm sao để cân bằng được lợi ích của nhà nước và người nộp thuế.

- Trong công tác thực hiện hành thuế

Việc phân loại thuế có ý nghĩa trong việc thực hiện hành thuế. Với mỗi loại thuế sẽ xác định được phạm vi người nộp thuế, nguyên tắc đánh thuế, đối tượng tính thuế, căn cứ tính thuế, cách thức tính thuế,... từ đó có biện pháp thu thuế phù hợp. Qua đó phân định thẩm quyền của các cơ quan ban hành thuế từ đó có biện pháp quản lý thuế hiệu quả.

- Trong nhận thức của đối tượng nộp thuế và người chịu thuế, trốn thuế

Đối với loại thuế trực thu sẽ dễ gây phản ứng từ phía người nộp thuế hoặc dễ xảy ra tình trạng trốn, lậu thuế, còn đối với loại thuế gián thu thì người nộp thuế không có gánh nặng vì thuế với người nộp thuế sẽ như một phần tất yếu khi sử dụng hàng hóa, dịch vụ.

1.2 Thuế giá trị gia tăng

1.2.1 Khái niệm

Theo quy định tại Điều 2, Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 của Quốc hội ban hành ngày 03/06/2008:

“Thuế GTGT là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng”

Như vậy, ta có thể hiểu: thuế GTGT là thuế tính trên phần giá trị mới được tạo ra (giá trị tăng thêm) trong quá trình SXKD. Nếu trong quá trình SXKD không tạo ra giá trị tăng thêm cho sản phẩm thì chắc chắn, DN không phải nộp thuế GTGT.

Thuế GTGT được đánh giá là một sắc thuế tiên tiến của Nhà nước ta, đã khắc phục được hạn chế của thuế chuyển lên thuế của thuế doanh thu.

1.2.2 Đặc điểm

- Thuế tiêu dùng nhiều giai đoạn: Thuế đánh vào tất cả các giai đoạn sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng, nó chỉ đánh vào giá trị tăng thêm.

- Tính trung lập: Thuế không chịu ảnh hưởng bởi kết quả kinh doanh của người nộp thuế, không phải là yếu tố của chi phí mà đơn thuần là một khoản cộng thêm vào giá bán cho người cùng cấp hàng hóa dịch vụ.

- Thuế gián thu: Đối tượng nộp thuế là tất cả cá nhân SXKD và người chịu thuế là người tiêu dùng.

- Lũy thoái so với thuế nhập: Dù người có thuế nhập cao hay thấp đều chịu thuế một mức thuế giống nhau nếu mua cùng một loại HHDV.

1.2.3 Đối tượng chịu thuế, không chịu thuế, đối tượng nộp thuế GTGT

• Đối tượng chịu thuế

Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế GTGT, trừ các đối tượng không chịu thuế